

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 43 /2018/HS-ST

Ngày: 03 /10/2018.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Tuyết- Phòng giáo dục huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

2. Bà Nguyễn Thị Hải.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 03/10/2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 47 /2018/TLST-HS ngày 07 /9 /2018; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46 /2018/QĐXXST-HS, ngày 19 /9/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thành L, tên gọi khác: C, sinh ngày 01/6/2001 tại huyện B, tỉnh Q. Nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Q, sinh năm 1978 và bà Trần Thị T, sinh năm 1981. Bị cáo đang thi hành bản án số 51/2017/HS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch xử phạt 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội 'Cướp tài sản'; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

- Người bị hại: 1. Nguyễn Ngọc L, sinh năm 1972, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q, có đơn xin vắng mặt,

2. Lê Thị Ánh T, sinh năm 1969, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt,

3. Phạm Thị Thu H, sinh năm 1986, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q, vắng mặt,

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Phạm Thị T, sinh năm 1981, nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Q; vắng mặt;

2. Trần Đức A, sinh ngày 05/10/ 2002, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo L: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1959, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

-Người đại diện hợp pháp của Lê Đức A: Bà Lê Thị N, sinh năm 1977, nơi cư trú: Thôn T, xã Th, huyện B, tỉnh Q, có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo L: Bà Trần Thị A, sinh năm 1985, địa chỉ: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Q, thuộc sở Tư pháp tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 04/3/2018 đến ngày 09/3/2018, Nguyễn Thành L và Trần Đức A đã lén lút thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản tại chợ T thuộc thôn T, xã Th, huyện B, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 02 giờ ngày 04/3/2018, L cùng A đã đột nhập vào quán cắt tóc của chị Phạm Thị Thu H, quán không khoá cửa, L và A đi vào lục lọi đồ đạc thì phát hiện có 55.000đ để ở ngăn kéo, L lấy tiền bỏ vào túi quần của mình, A lấy 01 máy sấy tóc, màu đen có nhãn hiệu "CB 6900 CHAOBA" trị giá 150.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 03 giờ ngày 07/3/2018., L cùng với A đi bộ vào chợ T, khi đến quầy bán rau, quả của chị Lê Thị Ánh T, bên trong quầy có một tủ gỗ, cửa được bọc bằng lưới thép, L liền dùng tay kéo lưới ra còn A đưa tay vào lấy trộm 07 hộp thịt hộp trị giá 175.000đ rồi đưa về quán Internet T ăn hết số thịt hộp nói trên.

Vụ thứ ba: Khoảng 01 giờ ngày 09/3/2018, L cùng A rủ nhau đi bộ đến chợ T để trộm cắp tài sản kiếm tiền tiêu xài. L và A đi bộ vào trong khu vực đình chợ, khi đi đến ki ốt của anh Nguyễn Ngọc L thì phát hiện một tủ kính để ở phía ngoài ki ốt có ổ khoá. Bên trong tủ kính đựng túi xách, ví da, mũ các loại. L lấy trong túi quần ra một cái bật lửa, gỡ phía đầu bật lửa lấy phần thép mỏng ở đầu bật lửa dùng mở khoá tủ. Sau khi mở được khoá tủ, L và A đã lấy trộm trong tủ 23 cái ví da nữ và 02 mũ lưỡi trai đem về cất giấu tại nhà hoang ở thôn T, xã Th. Đến 10 giờ cùng ngày, L đưa 18 cái ví da nữ vào chợ L, xã H để bán, L để lại 05 cái ví da ở nhà hoang, 02 mũ lưỡi trai L và A sử dụng. Trên đường đem ví da đi bán thì bị rơi 02 ví da, còn 16 ví da L bán cho chị Phạm Thị T, làm nghề buôn bán tại chợ L, xã H lấy 800.000đ tiêu xài cá nhân.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bồ Trạch số 20, ngày 28/4/2018 định giá đối với 23 cái ví da, 02 mũ lưỡi trai và 01 máy sấy tóc là 5.255.000đ và kết luận định giá số 35 ngày 23/7/2018 đối với 07 hộp thịt hộp là 175.000đ.

Như vậy tổng giá trị tài sản thiệt hại do L và A chiếm đoạt của các người bị hại là 5.455.000đ, cụ thể: Chị Phạm Thị Thu H là 205.000đ; chị Lê Thị Ánh T là 175.000đ và anh Nguyễn Ngọc L là 5.075.000đ.

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra thu giữ 21 cái ví da trong đó có 07 ví da nữ màu đen hình chữ nhật kích thước 21cmx 12 cm; 03 cái ví da rằn hình chữ nhật kích thước 21 cmx 12 cm; 05 cái ví da trơn kích thước 20cmx 10,5cm; 05 cái ví da nữ màu nâu hình chữ nhật có kích thước 20cmx 10cm và 03 cái ví da nữ chữ V kích thước 19cmx 10 cm.

Trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thành L đã bồi thường đầy đủ cho những người bị hại, những người bị hại không có yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 43/CT-VKSHBT ngày 05/9/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố Nguyễn Thành L về tội”Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Bị cáo Nguyễn Thành L đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Nguyễn Thành L đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 91; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 101, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L từ 06 đến 09 tháng tù về tội”Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt của bản án số 51/2017/HS-ST, ngày 14/9/2017 về tội” Cướp tài sản” của Tòa án nhân dân huyện B buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 36 đến 39 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án. Về vật chứng và trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, nên không xét.

Bị cáo Nguyễn Thành L nói lời sau cùng: Đã thấy được hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình và xã hội. Người đại diện hợp pháp của bị cáo L xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành L trình bày: Nhất trí quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh gia đình bị cáo; bị cáo là người dưới 18 tuổi phạm tội do trình độ nhận thức còn hạn chế; đề nghị áp dụng thêm khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Người bị hại anh Nguyễn Ngọc L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của bị cáo, đại diện hợp pháp của Trần Đức A, Luật sư bào chữa cho bị cáo không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]Về hành vi của bị cáo, các chứng cứ xác định tội: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Thành L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; phù hợp với lời khai của người bị hại và những người tham gia tố tụng khác và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nguyễn Thành L đã phạm tội” Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình đã truy tố đối với bị cáo.

[3]Xét tính chất, mức độ, hậu quả vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng: Xuất phát từ động cơ háms lợi và ý thức coi thường pháp luật, từ ngày 04/3/2018 đến ngày 09/3/2018 Nguyễn Thành L và Trần Đức A đã trực tiếp thực hiện 03 vụ trộm cắp tại chợ T thuộc thôn T, xã Th, huyện B giá trị tài sản ,mà L và A chiếm đoạt của các người bị hại là 5.455.000đ. Bị cáo L có quá trình nhân thân xấu, đang thi hành bản án số 51/2017/HS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bỏ Trạch về tội” Cướp tài sản” .Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 7, Điều 91 bộ luật hình sự năm 2015 về nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội thì bị cáo L phạm tội lần này không coi là tái phạm hoặc tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo chẳng những xâm phạm đến tài sản của người khác mà còn ảnh hưởng xấu tình hình an ninh, trật tự ở địa phương; gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do vậy, cần xử phạt nghiêm khắc đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng trừng trị, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung về loại tội phạm này.

Bản án số 51/2017/HS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bỏ Trạch, tỉnh Quảng Bình, tuyên phạt bị cáo L 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội” Cướp tài sản”. Trong thời gian thử thách của án treo bị cáo L phạm tội mới nên hình phạt của bản án cho hưởng án treo sẽ chuyển thành án giam, tổng hợp với hình phạt của bản án đang xét xử buộc bị cáo L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật theo quy định tại Điều 56, khoản 5 Điều 65; Điều 101; Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4]Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tình tiết tăng nặng: Không; tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thành L đã tự nguyện bồi thường tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại; tỏ ra thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại Nguyễn Ngọc L có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Khi phạm tội bị cáo L là người dưới 18 tuổi nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý đối với người dưới 18 tuổi phạm tội đối với bị cáo L theo quy định tại Điều 91 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Đối với Trần Đức A, khi thực hiện hành vi phạm tội ít nghiêm trọng, A chưa đủ 16 tuổi, nên không phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Bộ luật hình sự năm 2015; Công an huyện Bỏ Trạch đã ra quyết định xử lý hành chính đối với Trần Đức A là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đối với Phạm Thị T mua 16 cái ví của Nguyễn Thành L nhưng chị T không biết nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có nên không xử lý là có căn cứ.

[5]Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong, nên không xét.

[7]Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong, những người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không xét.

[8] Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố **Nguyễn Thành L** phạm tội”Trộm cắp tài sản”;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 56; khoản 5 Điều 65; Điều 91; Điều 101, Điều 104 Bộ luật hình sự năm 2015;

Xử phạt: Nguyễn Thành L 07 (Bảy) tháng tù.

Buộc bị cáo Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt 30 tháng tù của Bản án số 51/2017/HS-ST ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Q về tội” Cướp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thành L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 37 (Ba mươi bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày thi hành án.

2.Về vật chứng vụ án: Đã giải quyết xong nên không xét.

3.Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Thành L đã bồi thường đầy đủ cho những người bị hại, những người bị hại không có yêu cầu gì thêm, nên không xét.

4.Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Thành L phải chịu 200.000đ(Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo; người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(03/10/2018); người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án N.D tỉnh Quảng Bình;
- V. K.S N.D huyện Bố Trạch;
- VKS ND tỉnh Quảng Bình;
- Thi hành án phạt tù;
- Công an huyện Bố Trạch(3);
- Chi cục THA DS Bố Trạch;
- Bị cáo Nguyễn Thành L;
- Luật sư Trần Thị A;
- UBND xã Th(Đề biết);
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ;Lưu V.P Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân